TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2023
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính.

Bà N Hồng Nhiếp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năn 1996 (có mặt).

Nơi cư trú: Hẻm 11, đường L, thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Ông Lê Công N, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Y trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Lê Công N có thời gian tìm hiểu và kết hôn vào năm 2017, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Trần Thị Y yêu cầu ly hôn với ông Lê Công N.

- Về nuôi con: Có một người con chung tên Lê Bình A, sinh ngày 16/3/2020, hiện nay cháu A đang sống với bà Y. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu nuôi cháu A, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

- Về chia tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Lê Công N:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông N không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Y yêu cầu ly hôn, về việc nuôi con, chia tài sản chung và công nợ; đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày ý kiến: Bảo lưu yêu cầu khởi kiện, về tài sản chung và công nợ không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Trần Thị Y yêu cầu ly hôn với ông Lê Công N, yêu cầu nuôi con chung, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp xin ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông N cư trú tại C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lê Công N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ khoản 2 Điêu 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Lê Công N có thời gian tìm hiểu và kết hôn vào năm 2017, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Giấy chứng nhận kết hôn số 173 ngày 17/11/2017, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Y và ông Lê Công N được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà Y cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, bà Y yêu cầu ly hôn với ông Lê Công N. Tòa án đã triệu tập ông N nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà Y, cho thấy ông N không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu

cầu ly hôn của bà Trần Thị Y với ông Lê Công N theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có một người con chung tên Lê Bình A, sinh ngày 16/3/2020 (nam), hiện nay cháu A đang sống với bà Y. Khi ly hôn, bà Y yêu cầu nuôi cháu A. Ông N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu nuôi con của bà Y. Hội đồng xét xử xét thấy cháu A được 36 tháng 01 ngày tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ. Mặt khác, từ khi hai đương sự sống ly thân cho đến nay, cháu A sống với bà Y và có cuộc sống ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao cháu Lê Bình A cho bà Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Các đương không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Bà Trần Thị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Y được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Y ly hôn đối với ông Lê Công N.

Về nuôi con: Có một người con chung tên Lê Bình A, sinh ngày 16/3/2020 (nam). Khi ly hôn, giao cháu Bình A cho bà Trần Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lê Công N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Y được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015793 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà Y không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Phước Đông, thành phố Nha Trang
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Diệu Hiền